

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt danh mục dự án kêu gọi vốn đầu tư trực tiếp
tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2021 - 2025**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 47/2019/QH14 ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Nghị quyết số 13/NQ-CP ngày 03/02/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 58-NQ/TW ngày 05/8/2020 của Bộ Chính trị về Xây dựng và phát triển tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2020 - 2025;

Căn cứ Kế hoạch số 183/KH-UBND ngày 26/8/2020 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 58/NQ-CP ngày 27/4/2020 của Chính phủ về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 50-NQ/TW ngày 20/8/2019 của Bộ Chính trị về định hướng hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao chất lượng, hiệu quả hợp tác đầu tư nước ngoài đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 2999/QĐ-UBND ngày 09/8/2021 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch hành động của UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết số 13/NQ-CP ngày 03/02/2021 của Chính phủ và Chương trình hành động của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết số 58-NQ/TW ngày 05/8/2020 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 195/SKHĐT-KTĐN ngày 12/01/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh mục dự án kêu gọi vốn đầu tư trực tiếp tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2021 - 2025 (chi tiết tại Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Căn cứ nội dung phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này, các sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố, các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ vận động, kêu gọi dự án, phải xây dựng kế hoạch cụ thể, phân công lãnh đạo chỉ đạo tổ chức thực hiện, đảm bảo mục tiêu, yêu cầu đặt ra.

2. Giao các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Giao thông vận tải, Tài chính, Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Y tế, Giáo dục và Đào tạo, Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp; Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố và các ngành, đơn vị liên quan, theo chức năng, nhiệm vụ được giao, có trách nhiệm phối hợp, hướng dẫn, tạo điều kiện để các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ triển khai thực hiện công việc, đảm bảo đúng quy định hiện hành của pháp luật.

3. Giao các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị liên quan, trong quá trình triển khai thực hiện, căn cứ quy định hiện hành của pháp luật và tình hình thực tế, tiếp tục rà soát nhu cầu thu hút vốn đầu tư trực tiếp trên địa bàn tỉnh, làm cơ sở đề xuất điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung danh mục các dự án thuộc Quyết định này, gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, tham mưu, báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 243/QĐ-UBND ngày 20/01/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt danh mục dự án kêu gọi vốn đầu tư trực tiếp tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2021 - 2025.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở; Trưởng các ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lưu: VT, THKH.

CHỦ TỊCH



Đỗ Minh Tuấn

PHỤ LỤC:
DANH MỤC DỰ ÁN KÊU GỌI VỐN ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP TỈNH THANH HÓA GIAI ĐOẠN 2021 - 2025
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

TT	Tên dự án	Địa điểm đầu tư	Diện tích đất dự kiến sử dụng (ha)	Quy mô đầu tư/Nội dung dự án	Dự kiến tổng mức đầu tư (triệu USD)	Đầu mối liên hệ
1	2	3	4	5	6	7
	TỔNG SỐ				36.523,5	
I	Lĩnh vực công nghiệp, chế biến, chế tạo				10.680	
1	Nhà máy sản xuất methanol và các sản phẩm từ methanol	Khu kinh tế Nghi Sơn	10	600 nghìn tấn/năm	150	Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp
2	Nhà máy sản xuất cao su tổng hợp	Khu kinh tế Nghi Sơn	20	50 nghìn tấn/năm	200	-nt-
3	Nhà máy sản xuất xơ, sợi tổng hợp	Khu kinh tế Nghi Sơn	95	100 nghìn tấn/năm	500	-nt-
4	Nhà máy hóa dầu và sản xuất vật liệu nhựa mới	Khu kinh tế Nghi Sơn	500	2 triệu tấn PE và PP/năm	5.000	-nt-

TT	Tên dự án	Địa điểm đầu tư	Diện tích đất dự kiến sử dụng (ha)	Quy mô đầu tư/Nội dung dự án	Dự kiến tổng mức đầu tư (triệu USD)	Đầu mối liên hệ
1	2	3	4	5	6	7
5	Nhà máy sản xuất giấy và năng lượng	Khu kinh tế Nghi Sơn	300	Nhà máy sản xuất giấy: 01 triệu tấn bột giấy/năm và 1,2 triệu tấn giấy tissue/năm; Nhà máy điện sinh khối 250 MW	3.000	Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp
6	Nhà máy sản xuất linh kiện điện tử, máy tính	Khu công nghiệp Lam Sơn - Sao Vàng, Khu kinh tế Nghi Sơn	50	Sản xuất linh kiện	250	-nt-
7	Nhà máy lắp ráp ô tô, máy nông nghiệp	Khu công nghiệp Bim Sơn	20	30 triệu sản phẩm/năm	100	-nt-
8	Nhà máy chế biến nông, lâm sản xuất khẩu	Tại các Khu công nghiệp: Lam Sơn - Sao Vàng, Ngọc Lặc, Bãi Trành, Thạch Quảng	10	Chế biến nông, lâm sản	50	-nt-
9	Nhà máy chế biến gỗ, ván ép công nghiệp	Khu công nghiệp Thạch Quảng, huyện Thạch Thành	15	150.000m ³ ván MDF/năm	60	-nt-
10	Nhà máy chiết xuất curcumin, tinh bột nghệ	KCN Thạch Quảng, huyện Thạch Thành	10	500 tấn curcumin/năm; 2.000 tấn tinh bột nghệ/năm	30	-nt-

TT	Tên dự án	Địa điểm đầu tư	Diện tích đất dự kiến sử dụng (ha)	Quy mô đầu tư/Nội dung dự án	Dự kiến tổng mức đầu tư (triệu USD)	Đầu mối liên hệ
1	2	3	4	5	6	7
11	Nhà máy chế biến nước hoa quả	Cụm công nghiệp Vân Du, huyện Thạch Thành	10	5.000 tấn/năm	20	Sở Công Thương
12	Nhà máy sản xuất lốp ô tô	Cụm công nghiệp Vân Du, huyện Thạch Thành	20	300.000 lốp/năm	50	-nt-
13	Nhà máy điện sinh khối	Các huyện miền núi	30	30-40 MW	90	-nt-
14	Nhà máy sản xuất linh kiện điện tử	Cụm công nghiệp Hợp Thắng, huyện Triệu Sơn	30	50 triệu sản phẩm/năm	50	-nt-
15	Nhà máy chế tạo máy, lắp ráp và sản xuất phụ kiện công nghiệp	Cụm công nghiệp Song Lộc 1, Song Lộc 2, huyện Hậu Lộc	75	100.000 sản phẩm/năm	65	-nt-
16	Các nhà máy may mặc, da giày, các sản phẩm công nghiệp	Tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh	500	20 - 30 triệu sản phẩm/năm/dự án	1.000	-nt-
17	Nhà máy sản xuất chỉ may thêu phục vụ cho ngành dệt may và da giày	Tại các cụm công nghiệp huyện đồng bằng	3	1.000 tấn chỉ/năm	15	-nt-

TT	Tên dự án	Địa điểm đầu tư	Diện tích đất dự kiến sử dụng (ha)	Quy mô đầu tư/Nội dung dự án	Dự kiến tổng mức đầu tư (triệu USD)	Đầu mối liên hệ
1	2	3	4	5	6	7
18	Nhà máy sản xuất phụ liệu ngành may mặc (khóa, khuy, băng chun, nhãn, móc...)	Tại các cụm công nghiệp huyện đồng bằng	3	400 triệu sản phẩm/năm	50	Sở Công Thương
II	Lĩnh vực nông nghiệp				388	
19	Nhà máy giết mổ lợn, chế biến lợn công nghệ cao	Các khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh	8	500.000 con/năm	30	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
20	Nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi công nghệ cao	Các khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh	5	300.000 tấn/năm	20	-nt-
21	Dự án đầu tư nuôi tôm thẻ chân trắng công nghệ cao	Tại các huyện: Nga Sơn, Hậu Lộc, Hoằng Hóa, Quảng Xương và thị xã Nghi Sơn	1.000	25.000 tấn/năm	250	-nt-
22	Đầu tư chế biến sản phẩm từ gỗ gắn với phát triển vùng nguyên liệu	Các khu công nghiệp, cụm công nghiệp huyện miền núi	10	Chế biến 250.000 m ³ gỗ/năm; vùng nguyên liệu 10.000ha	30	-nt-
23	Đầu tư chế biến sản phẩm từ tre luồng gắn với phát triển vùng nguyên liệu	Các khu công nghiệp, cụm công nghiệp huyện miền núi	10	Chế biến 160.000 m ³ tre luồng/năm; vùng nguyên liệu 10.000ha	20	-nt-

TT	Tên dự án	Địa điểm đầu tư	Diện tích đất dự kiến sử dụng (ha)	Quy mô đầu tư/Nội dung dự án	Dự kiến tổng mức đầu tư (triệu USD)	Đầu mối liên hệ
1	2	3	4	5	6	7
24	Nhà máy chế biến, sản xuất lúa gạo	Huyện Yên Định	10	Bảo quản, sản xuất, đóng gói, tiêu thụ sản phẩm	14	UBND huyện Yên Định
25	Nhà máy chế biến, giết mổ gia súc, gia cầm huyện Yên Định	Huyện Yên Định	4	Bảo quản, chế biến và tiêu thụ sản phẩm	14	-nt-
26	Nhà máy sơ chế rau quả xuất khẩu huyện Yên Định	Huyện Yên Định	2	1.500 tấn/năm	10	-nt-
III	Lĩnh vực đầu tư hạ tầng kỹ thuật				6.197,5	
27	Đầu tư kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp số 20 - KKT Nghi Sơn	Khu kinh tế Nghi Sơn	783	783 ha	250	Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp
28	Đầu tư kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp số 21 - KKT Nghi Sơn	Khu kinh tế Nghi Sơn	539	539 ha	200	-nt-
29	Đầu tư kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp số 4 - Khu kinh tế Nghi Sơn	Khu kinh tế Nghi Sơn	404	404 ha	125	-nt-

TT	Tên dự án	Địa điểm đầu tư	Diện tích đất dự kiến sử dụng (ha)	Quy mô đầu tư/Nội dung dự án	Dự kiến tổng mức đầu tư (triệu USD)	Đầu mối liên hệ
1	2	3	4	5	6	7
30	Đầu tư kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp số 5 - Khu kinh tế Nghi Sơn	Khu kinh tế Nghi Sơn	462	462 ha	130	Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp
31	Đầu tư kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp số 6 - Khu kinh tế Nghi Sơn	Khu kinh tế Nghi Sơn	350	350 ha	100	-nt-
32	Đầu tư kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp số 17 - KKT Nghi Sơn	Khu kinh tế Nghi Sơn	782	782 ha	250	-nt-
33	Đầu tư kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp số 19 - KKT Nghi Sơn	Khu kinh tế Nghi Sơn	918	918 ha	350	-nt-
34	Đầu tư kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp số 16 - KKT Nghi Sơn	Khu kinh tế Nghi Sơn	470	470 ha	150	-nt-

TT	Tên dự án	Địa điểm đầu tư	Diện tích đất dự kiến sử dụng (ha)	Quy mô đầu tư/Nội dung dự án	Dự kiến tổng mức đầu tư (triệu USD)	Đầu mối liên hệ
1	2	3	4	5	6	7
35	Đầu tư kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp số 12 - KKT Nghi Sơn	Khu kinh tế Nghi Sơn	377	377 ha	110	Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp
36	Đầu tư kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp số 11 - KKT Nghi Sơn	Khu kinh tế Nghi Sơn	567	567 ha	200	-nt-
37	Đầu tư kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp số 1 tại phía Nam đường 513 - Khu kinh tế Nghi Sơn	Khu kinh tế Nghi Sơn	100	100 ha	45	-nt-
38	Hệ thống xử lý nước thải Khu kinh tế Nghi Sơn	Khu kinh tế Nghi Sơn	20	Xử lý nước thải công nghiệp và nước thải sinh hoạt	100	-nt-
39	Đầu tư kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp - Đô thị - Dịch vụ Phía Tây thành phố Thanh Hóa	Khu công nghiệp phía Tây thành phố Thanh Hóa	1.200	Thu hút các dự án công nghiệp sạch công nghệ cao, lắp ráp linh kiện điện tử, viễn thông, công nghệ thông tin, diện tích 1.200 ha	500	-nt-

TT	Tên dự án	Địa điểm đầu tư	Diện tích đất dự kiến sử dụng (ha)	Quy mô đầu tư/Nội dung dự án	Dự kiến tổng mức đầu tư (triệu USD)	Đầu mối liên hệ
1	2	3	4	5	6	7
40	Đầu tư kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp - Đô thị - Dịch vụ Phú Quý - Phía Bắc thành phố Thanh Hóa	Khu công nghiệp Phú Quý	800	800 ha	300	Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp
41	Đầu tư kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp và đô thị Hoàng Long	Thành phố Thanh Hóa	76,2	76,2 ha	80	-nt-
42	Đầu tư kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp Giang Quang Thịnh	Huyện Thiệu Hóa	300	300 ha	113	-nt-
43	Đầu tư kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp Thạch Quảng	Huyện Thạch Thành	140	140 ha	40	-nt-
44	Đầu tư kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp Bãi Trành	Huyện Như Xuân	116	116 ha	95	-nt-

TT	Tên dự án	Địa điểm đầu tư	Diện tích đất dự kiến sử dụng (ha)	Quy mô đầu tư/Nội dung dự án	Dự kiến tổng mức đầu tư (triệu USD)	Đầu mối liên hệ
1	2	3	4	5	6	7
45	Đầu tư kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp Ngọc Lặc	Huyện Ngọc Lặc	150	150 ha	56,5	Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp
46	Đầu tư kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp Tượng Lĩnh	Huyện Nông Cống	350	350 ha	230	-nt-
47	Đầu tư kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp Phong Ninh	Huyện Yên Định	700	700 ha	450	-nt-
48	Đầu tư kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp Nga Tân	Huyện Nga Sơn	430	430 ha	300	-nt-
49	Đầu tư kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp Đa Lộc	Huyện Hậu Lộc	250	250 ha	190	-nt-

TT	Tên dự án	Địa điểm đầu tư	Diện tích đất dự kiến sử dụng (ha)	Quy mô đầu tư/Nội dung dự án	Dự kiến tổng mức đầu tư (triệu USD)	Đầu mối liên hệ
1	2	3	4	5	6	7
50	Đầu tư kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp Hà Long	Huyện Hà Trung	550	550 ha	185	Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp
51	Đầu tư kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp Hà Lĩnh	Huyện Hà Trung	422	422 ha	350	-nt-
52	Đầu tư kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp Quảng Xương	Huyện Quảng Xương	500	500 ha	170	-nt-
53	Đầu tư hạ tầng kỹ thuật tại Khu R&D đô thị Đông Nam	Thành phố Thanh Hóa	85	85 ha	43	UBND thành phố Thanh Hóa
54	Đầu tư khu nông nghiệp công nghệ cao tại thành phố Thanh Hóa	Thành phố Thanh Hóa	300	300 ha	35	UBND thành phố Thanh Hóa

TT	Tên dự án	Địa điểm đầu tư	Diện tích đất dự kiến sử dụng (ha)	Quy mô đầu tư/Nội dung dự án	Dự kiến tổng mức đầu tư (triệu USD)	Đầu mối liên hệ
1	2	3	4	5	6	7
55	Đầu tư hạ tầng kỹ thuật Khu nông nghiệp công nghệ cao Lam Sơn - Sao Vàng	Huyện Thọ Xuân	800	800 ha	500	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
56	Đầu tư hạ tầng kỹ thuật Khu nông nghiệp công nghệ cao Thiệu Hóa	Huyện Thiệu Hóa	950	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật để thu hút các dự án đầu tư nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao với diện tích khoảng 950 ha	310	UBND huyện Thiệu Hóa
57	Đầu tư kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp	Các cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh	600	Thu hút đầu tư, kinh doanh hạ tầng các cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh	240	Sở Công Thương
IV	Lĩnh vực du lịch, dịch vụ				2.132	
58	Khu du lịch sinh thái Trường Lâm	Khu kinh tế Nghi Sơn	543	Du lịch sinh thái kết hợp nghỉ dưỡng	270	Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp
59	Đầu tư khách sạn cao cấp tiêu chuẩn quốc tế	Khu kinh tế Nghi Sơn	10	Chất lượng 5 sao theo tiêu chuẩn quốc tế	100	-nt-
60	Khu du lịch sinh thái Đảo Mê	Khu kinh tế Nghi Sơn	280	Du lịch sinh thái kết hợp nghỉ dưỡng	100	-nt-

TT	Tên dự án	Địa điểm đầu tư	Diện tích đất dự kiến sử dụng (ha)	Quy mô đầu tư/Nội dung dự án	Dự kiến tổng mức đầu tư (triệu USD)	Đầu mối liên hệ
1	2	3	4	5	6	7
61	Khu du lịch sinh thái hồ Yên Mỹ	Khu kinh tế Nghi Sơn	1.660	Khu du lịch thăm quan, nghiên cứu hệ sinh thái hồ Yên Mỹ, kết hợp hoạt động giải trí vui chơi, dịch vụ tổng hợp	900	Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp
62	Trung tâm Logistics	Khu công nghiệp Lam Sơn - Sao Vàng, huyện Thọ Xuân	20	20 nghìn tấn/năm	40	-nt-
63	Khu du lịch sinh thái danh lam thắng cảnh Quốc gia núi Kim Sơn, xã Vĩnh An	Huyện Vĩnh Lộc	173,5	173,5 ha	42	UBND huyện Vĩnh Lộc
64	Phát triển du lịch Đền Nưa - Núi Nưa - Am Tiên	Huyện Triệu Sơn	209	209 ha	61	UBND huyện Triệu Sơn
65	Hạ tầng kỹ thuật khu Logistics Đông Sơn	Huyện Đông Sơn	100	100 ha	54	UBND huyện Đông Sơn
66	Xây dựng Công viên chuyên đề tại Khu di tích Quốc gia đặc biệt Hang Con Moong, kết hợp khu nghỉ dưỡng cao cấp tại	Huyện Thạch Thành	150	150 ha	50	UBND huyện Thạch Thành

TT	Tên dự án	Địa điểm đầu tư	Diện tích đất dự kiến sử dụng (ha)	Quy mô đầu tư/Nội dung dự án	Dự kiến tổng mức đầu tư (triệu USD)	Đầu mối liên hệ
1	2	3	4	5	6	7
	khu vực phía Bắc hồ Bình Công và khu du lịch suối nước nóng Thành Minh					
67	Phát triển du lịch tại Khu di tích Lam Kinh	Huyện Thọ Xuân	300	300 ha	100	UBND huyện Thọ Xuân
68	Khu du lịch văn hóa Hàm Rồng	Thành phố Thanh Hóa	562	562 ha	157	UBND thành phố Thanh Hóa
69	Trung tâm thương mại kết hợp vui chơi, giải trí cửa ngõ phía Nam thành phố Thanh Hóa (xã Quảng Thịnh)	Thành phố Thanh Hóa	5 - 10	Từ 5 - 10 ha	43	-nt-
70	Trung tâm thương mại kết hợp vui chơi, giải trí cửa ngõ phía Đông thành phố Thanh Hóa (xã Quảng Tâm)	Thành phố Thanh Hóa	5 - 10	Từ 5 - 10 ha	44	-nt-

TT	Tên dự án	Địa điểm đầu tư	Diện tích đất dự kiến sử dụng (ha)	Quy mô đầu tư/Nội dung dự án	Dự kiến tổng mức đầu tư (triệu USD)	Đầu mối liên hệ
1	2	3	4	5	6	7
71	Trung tâm thương mại kết hợp vui chơi, giải trí cửa ngõ phía Tây thành phố Thanh Hóa (xã Đông Tân)	Thành phố Thanh Hóa	5 - 10	Từ 5 - 10 ha	45	UBND thành phố Thanh Hóa
72	Khu du lịch sinh thái hồ Hải Tiến, thị trấn Bến Sung, huyện Như Thanh	Huyện Như Thanh	100	100 ha	40	UBND huyện Như Thanh
73	Khu du lịch sinh thái thác nước Bò Lăn, xã Thanh Tân, huyện Như Thanh	Huyện Như Thanh	70	70 ha	21	-nt-
74	Khu du lịch cộng đồng Hang Ngọc, xã Xuân Khang, huyện Như Thanh	Huyện Như Thanh	50	50 ha	15	-nt-
75	Khu du lịch nghỉ dưỡng Sơn - Bá - Mười, huyện Bá Thước	Huyện Bá Thước	350	350 ha	50	UBND huyện Bá Thước

TT	Tên dự án	Địa điểm đầu tư	Diện tích đất dự kiến sử dụng (ha)	Quy mô đầu tư/Nội dung dự án	Dự kiến tổng mức đầu tư (triệu USD)	Đầu mối liên hệ
1	2	3	4	5	6	7
V	Lĩnh vực năng lượng, môi trường				16.190	
76	Tổ hợp các Nhà máy điện gió	Khu kinh tế Nghi Sơn	50	200 MW	350	Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp
77	Trung tâm khí thiên nhiên hóa lỏng Nghi Sơn	Thị xã Nghi Sơn	1.500	1,2 triệu m ³	12.840	-nt-
78	Nhà máy điện khí LNG	Khu kinh tế Nghi Sơn	260	Tổng 19.200MW, trong đó, giai đoạn 2021 - 2025 là 2.400MW	Tổng 21 tỷ USD, giai đoạn 2021-2025 là 3 tỷ USD	-nt-
VI	Lĩnh vực văn hóa, thể thao				176	
79	Sân vận động trung tâm	Thành phố Thanh Hóa	5	30.000 chỗ ngồi, khán đài có mái che	65	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
80	Khu liên hợp thể thao tỉnh	Thành phố Thanh Hóa	160	160 ha	70	-nt-
81	Sân golf Cẩm Thủy	Huyện Cẩm Thủy	90	Xây dựng sân golf 18 lỗ	15	UBND huyện Cẩm Thủy

TT	Tên dự án	Địa điểm đầu tư	Diện tích đất dự kiến sử dụng (ha)	Quy mô đầu tư/Nội dung dự án	Dự kiến tổng mức đầu tư (triệu USD)	Đầu mối liên hệ
1	2	3	4	5	6	7
82	Sân golf tại huyện Hoằng Hóa	Huyện Hoằng Hóa	70	Xây dựng sân golf 18 lỗ	13	UBND huyện Hoằng Hóa
83	Sân golf Sơn - Bá - Mười	Huyện Bá Thước	70	Xây dựng sân golf 18 lỗ	13	UBND huyện Bá Thước
VII	Lĩnh vực Y tế				760	
84	Nhà máy sản xuất dược phẩm	Khu công nghiệp Lam Sơn - Sao Vàng	10	Sản xuất dược phẩm	50	Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp
85	Nhà máy sản xuất thiết bị vật tư y tế	Khu công nghiệp Lam Sơn - Sao Vàng	10	Sản xuất, kinh doanh sản phẩm vật tư y tế	200	-nt-
86	Nhà máy sản xuất dược phẩm	Khu công nghiệp Quảng Xương	500	Thu hút các nhà máy sản xuất dược phẩm	500	-nt-
87	Nhà máy sản xuất nguyên liệu đông dược và dược liệu tổng hợp	Các Khu công nghiệp: Ngọc Lặc, Bãi Trành, Thạch Quảng	5	Dược liệu chiết xuất, sản xuất dược phẩm	10	-nt-